



Đại học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 14/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Cơ lý thuyết (07156) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH070T (Nhóm Thi) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 18/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07154051	TRẦN ĐỨC	ANH	01/03/89		3	Ba
2	07154050	TRƯƠNG BẢO	ANH	23/02/89		5	Năm
3	07154001	LÂM QUỐC	BẢO	04/05/87		6	Sáu
4	07154053	NGUYỄN TUẤN	BÌNH	02/05/87		7	Bảy
5	07154002	NGUYỄN TRƯỜNG	CANG	29/01/89		3	Ba
6	07154054	LÊ DƯƠNG ĐÌNH	CHƯƠNG	22/04/86		3	Ba
7	07154003	THÁI SỬ	CƠ	/ / 89		5	Năm
8	07154004	HÀ QUỐC	CƯƠNG	19/10/86		7	Bảy
9	07154005	NGUYỄN TẤN	DIỆP	17/07/89		5	Năm
10	07154006	NGUYỄN QUỐC	DŨNG	01/02/89		7	Bảy
11	07154056	LÊ ANH	DUY	06/12/86			
12	07154057	NGUYỄN VĂN	ĐẠI	06/11/89		5	Năm
13	07154008	PHẠM THÀNH	ĐẠI	01/01/89		6	Sáu
14	07154009	TRẦN QUỐC	ĐẠT	15/02/89		7	Bảy
15	07154010	ĐINH VĂN	ĐỆ	22/08/89		5	Năm
16	07154058	TÀO VĂN	ĐỆ	21/02/89		5	Năm
17	07154011	TRẦN QUỐC	ĐÌNH	15/02/89		8	Tám
18	07154012	LÊ ĐÌNH	HÀ	20/06/89		5	Năm
19	07154015	LÂM VINH	HÁI	04/04/88		3	Ba
20	07154013	NGUYỄN NGỌC	HÁI	25/04/89		5	Năm
21	07154059	TRẦN VINH	HẢO	27/08/89		7	Bảy
22	07154060	ĐỖ ĐÌNH	HÒA	15/01/89		5	Năm
23	07151012	NGUYỄN QUỐC	HÒA	25/11/87		8	Tám
24	07154016	NGUYỄN CHÍ	HỘI	09/07/89		5	Năm
25	07154061	ĐỖ BÁ	HÙNG	05/03/89		8	Tám
26	07154062	NGUYỄN HỒ TIẾN	HƯNG	01/10/89		1	Một
27	07154017	NGUYỄN TẤN	HƯNG	24/03/89		2	Hai
28	07124045	VŨ ĐÌNH	KHÁI	11/07/87		8	Tám
29	07154063	ĐỖ THANH	KIỆM	24/07/88		5	Năm
30	07154018	VŨ NHƯ	LAI	24/07/88		8	Tám
31	07154019	NGUYỄN HOÀNG	LÂM	25/04/89		7	Bảy
32	07154064	PHẠM QUANG	LIÊM	10/12/85		6	Sáu
33	07154020	LINH VĂN	LỢI	21/10/88		6	Sáu
34	07154021	VŨ THÀNH	LUÂN	28/06/89		7	Bảy
35	07154022	PHẠM VĂN	LUÂN	20/10/89		5	Năm
36	07154023	NGUYỄN TẤN	LỰC	16/06/88		6	Sáu

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 30 Số bài: 30 Sở từ: 30

Ngày 08 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 [Signature]

Cán bộ coi thi 2 [Signature]

Xác nhận của bộ môn _____

Hà Thu Thái Trâm
Cán bộ chấm thi 1 _____

Nguyễn Ngọc Duy
Cán bộ chấm thi 2 _____

[Signature]

Phạm Thị Nhiên



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Địa lý kinh tế (08101) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07TB (Nhóm Thi) - Tổ 001
Ngày Thi: 08/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi HD201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07135001	TRẦN HỮU HÀ	ANH	24/03/89	Thư	8	Tám
2	07135002	ĐÌNH LÊ HOÀI	ANH	29/12/89	Đ	7	Bảy
3	07135005	HOÀNG THẾ	ANH	05/07/89	Thư	9	Chín
4	07155003	LÃ THỊ LAN	ANH	25/12/89	L	8	Tám
5	07135003	NGUYỄN MAI	ANH	12/01/89	Nguyễn	8	Tám
6	07135077	PHAN TÚ	ANH	27/11/89	T	10	Mười
7	07135078	TRẦN NGỌC	ÁNH	17/03/89	anh	8	Tám
8	07135151	NGÔ HẢI	CHI	24/01/89	cu	8	Tám
9	07135080	NGUYỄN HỮU	CHÍ	15/01/88	X	5	Năm
10	07159009	NGUYỄN NGỌC	CHIÊM	12/03/89	sl	8	Tám
11	07135008	NGUYỄN THỊ	DIỆM	20/09/89	Di	6	Sáu
12	07135082	LÊ HÙNG	DUC	20/08/87	h	8	Tám
13	07135009	NGUYỄN THỦY	DUNG	05/08/89	n	7	Bảy
14	07135010	NGUYỄN ANH	DUY	04/01/88	anh	8	Tám
15	07135083	NGUYỄN QUANG	DUY	29/10/89	hu	8	Tám
16	07135084	LÊ NGUYỄN THỦY	DƯƠNG	14/09/88	l	7	Bảy
17	07135085	TRẦN THỊ HỒNG	ĐÀO	24/04/89	Đào	7	Bảy
18	07135086	TRẦN QUANG	ĐẠO	10/05/87	Đ	8	Tám
19	07135011	LÂM QUỐC	ĐẠT	22/09/89	Q	8	Tám
20	07135012	TRẦN MINH	ĐÌNH	13/02/89	M	6	Sáu
21	07135013	ĐÀO XUÂN	ĐỨC	10/06/86	Đ	6	Sáu
22	07135088	ĐỖ TRỌNG	ĐỨC	09/06/88	Đ	8	Tám
23	07147020	PHAM NGUYỄN CÔNG	ĐỨC	25/08/89	Pham	8	Tám
24	07135014	LÊ THỊ HỒNG	GÃM	11/03/88	h	7	Bảy
25	07135016	HỒ PHẠM TRÀ	GIANG	09/12/89	Ph	8	Tám
26	07135089	NG PHƯƠNG HOÀNG	HẢI	12/11/89	ph	8	Tám
27	07135018	NGUYỄN MINH	HẢI	10/05/84	Minh	9	Chín
28	07135019	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	26/03/89	my	9	Chín
29	07135090	NGUYỄN THỊ	HÀO	24/12/89	h	8	Tám
30	07135020	NG HUỖNH PHƯƠNG	HẰNG	28/09/89	h	8	Tám
31	07135092	VĂN NGUYỄN TUYẾT	HẰNG	05/10/89	h	8	Tám

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 31 Số bài: 2021 Sở từ: 31

Ngày 6 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 [Signature]

Cán bộ coi thi 2 [Signature]

Phạm Minh Hiệp

Đinh Thị Nguyệt Hương

Xác nhận của bộ môn _____

Cán bộ chấm thi 1 _____

Cán bộ chấm thi 2 _____

[Signature]

Phạm Thị Nhiên



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Địa lý kinh tế-P (08131) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07QT (Nhóm Thi) - Tổ 001
Ngày Thi: 08/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi PV217

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Đ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07122006	HỒ TUẤN	ANH	11/08/88	Tu	6	Sáu
2	07122004	LÊ KIM	ANH	26/03/88	th	7	Bảy
3	07122005	NGUYỄN THẾ	ANH	13/10/83	th	8	Tám
4	07122007	NGUYỄN TUẤN	ANH	23/09/89	th	7	Bảy
5	07122008	TRẦN TUẤN	ANH	21/04/88	th	6	Sáu
6	07122009	LÊ NGỌC	ÂN	02/07/89	th	7	Bảy
7	07122010	VƯƠNG THỊ NGỌC	ÂN	08/09/89	th	6	Sáu
8	07122012	PHAN THỊ NGỌC	BÍCH	06/11/89	th	7	Bảy
9	07122015	PHẠM THÁI	BÌNH	25/08/89	th	7	Bảy
10	07122016	NGUYỄN THỊ HOÀNG	CẨM	02/01/89	th	5	Năm
11	07122018	PHẠM THỊ KIM	CHI	15/09/87	th	8	Tám
12	07122019	NGUYỄN THỊ	CHUNG	15/06/88	th	9	Chín
13	07122020	VÕ TẤN	CÔNG	26/10/88	th	7	Bảy
14	07125031	PHAN THỊ	CÚC	12/04/88	th	8	Tám
15	07122021	LÝ HOÀNG MỘNG	DIỆM	18/01/89	th	7	Bảy
16	07122022	TỔNG NHỰT	DIỄN	05/02/89	th	9	Chín
17	07122024	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	DIỆU	10/12/88	th	9	Chín
18	07122025	TRẦN KHÁNH	DIỆU	23/08/89	th	6	Sáu
19	07122026	MAI CÔNG	DOAN	11/09/87	th	8	Tám
20	07122027	NGÔ THỊ MỸ	DUNG	10/12/89	th	7	Bảy
21	07122028	NGUYỄN HOÀNG	DỪNG	30/08/85	th	9	Chín
22	07122029	NINH NGỌC	DUY	07/11/89	th	8	Tám
23	07122030	TRƯƠNG QUANG NỮ K	DUYỄN	20/02/89	th	8	Tám
24	07122031	NGUYỄN QUỲNH	ĐAN	01/03/89	th	6	Sáu
25	07122032	VŨ THỊ HỒNG	ĐÀO	09/01/89	th	9	Chín
26	07122033	ĐỖ XUÂN	DIỆP	23/06/88	th	7	Bảy
27	07122034	NGUYỄN QUANG	ĐỨC	17/04/88	th	6	Sáu
28	07122037	LÊ VĂN	HÀ	04/08/88	th	8	Tám
29	07122035	NGUYỄN THỊ LỆ	HÀ	20/04/89	th	7	Bảy
30	07122036	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	27/11/89	th	8	Tám
31	07122038	NGÔ THỊ TUYẾT	HẠNH	12/10/89	th	7	Bảy
32	07122040	NGUYỄN THỊ	HĂNG	07/02/89	th	7	Bảy
33	07122039	PHẠM THỊ	HĂNG	29/01/85	th	8	Tám
34	07122041	HỒ THỊ NGỌC	HÂN	15/06/89	th	8	Tám
35	07122214	THẠCH THỊ NGỌC	HÂN	24/10/87	th	8	Tám
36	07122043	NGUYỄN THỊ MỸ	HẬU	11/08/89	th	7	Bảy

Trang 1

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Địa lý kinh tế-P (08131) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi Lớp DH07QT (Nhóm Thi) - Tổ 001

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ng/Sinh	Số Từ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07122042	PHẠM ĐỨC HẬU	12/09/89			7	Bảy
38	07122046	HỒ THỊ THU HIỀN	15/09/89			7	Bảy
39	07122044	NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	01/05/89			7	Bảy

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 39 Số bài: 39 Số tờ: 39

Ngày 08 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1
Bùi Thị Nga

Cán bộ coi thi 2
Nguyễn Ngọc Duy

Xác nhận của bộ môn _____

Cán bộ chấm thi 1 _____

Cán bộ chấm thi 2 _____

Phạm Thị Nhiên

40 07162020 Lê Phạm Trung Nhiên 01/01/89 7 Bảy



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Địa lý kinh tế-P (08131) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07QT (Nhóm Thi) - Tổ 002
Ngày Thi: 08/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi PV219

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SốTĐ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07122045	PHAM THỊ HIỀN	08/09/88		<i>Hiền</i>	8	Tám
2	07122048	LÊ THỊ HOA	08/04/89		<i>Hoa</i>	8	Tám
3	07122049	TRẦN THỊ HOA	26/06/89		<i>Th</i>	8	Tám
4	07122050	NGUYỄN XUÂN HÒA	28/11/89		<i>Xuân</i>	7	Bảy
5	07122052	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	17/09/88		<i>Thu</i>	8	Tám
6	07122053	ĐÀM GIA HUY	27/03/89		<i>Gia</i>	8	Tám
7	07122056	HỒ XUÂN HUY	10/05/88		<i>Xuân</i>	8	Tám
8	07122054	TRẦN HOÀNG HUY	25/01/89		<i>Hoàng</i>	8	Tám
9	07122055	TRẦN MINH HUY	18/09/89		<i>Minh</i>	7	Bảy
10	07122060	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	16/09/89		<i>Thu</i>	8	Tám
11	07122059	TRỊNH THỊ HƯƠNG	20/10/88		<i>Trinh</i>	8	Tám
12	07122061	TRẦN THỊ HƯƠNG	20/01/87		<i>Trinh</i>	7	Bảy
13	07122064	VÕ VĂN KHÁNH	08/10/88		<i>Văn</i>	8	Tám
14	07122066	HÀ TRUNG KIẾN	05/05/89		<i>Trung</i>	8	Tám
15	07122068	ĐÀO TUẤN KIẾT	31/10/89		<i>Tuấn</i>	8	Tám
16	07122069	TẠ HỒNG KIỀU	02/09/89		<i>Hồng</i>	8	Tám
17	07122071	ĐỖ NGUYỄN THÚY LAN	27/02/89		<i>Lan</i>	8	Tám
18	07122073	TRẦN THỊ LÊ	16/01/89		<i>Thị</i>	8	Tám
19	07122074	NGUYỄN THỊ MỸ LÊ	12/05/89		<i>Mỹ</i>	8	Tám
20	07122075	PHAN THANH LIÊM	21/11/88		<i>Thanh</i>	8	Tám
21	07122077	NGUYỄN THỊ THÚY LINH	29/03/89		<i>Thị</i>	8	Tám
22	07122079	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LOAN	24/01/89				
23	07122080	LÝ ĐẠT LONG	24/04/88		<i>Đạt</i>	8	Tám
24	07122081	NGÔ HOÀNG LONG	22/01/89		<i>Hoàng</i>	8	Tám
25	07122082	PHAN VŨ LONG	20/02/88			6	Sáu
26	07122083	ĐOÀN SƠN ANH LUÂN	30/10/89		<i>Sơn</i>	6	Sáu

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 25 Số bài: 25 Sờ tờ: 25

Ngày 7 tháng 5 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

mh
Lê Nguyễn Mai Anh

Cán bộ coi thi 2

Đinh Ngọc Duyệt

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Phạm Thị Nhiên

Cán bộ chấm thi 2



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Địa lý kinh tế-P (08131) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07QT (Nhóm Thi) - Tổ 003
Ngày Thi: 08/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi PV223

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số ở	Chữ ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07122084	NGUYỄN THÀNH LUÂN	06/09/90		<i>Thuy</i>	7	Bảy
2	07122086	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	12/09/87		<i>Thuy</i>	7	Bảy
3	07122087	PHẠM THỊ NGỌC LỸ	12/01/89		<i>Thuy</i>	8	Tám
4	07122090	BÙI VĂN MẠNH	19/08/89		<i>Thuy</i>	8	Tám
5	07122091	HUỖNH THANH MÂN	24/07/88		<i>Thuy</i>	7	Bảy
6	07122093	NGUYỄN QUANG MINH	26/05/87		<i>Thuy</i>	6	Sáu
7	07122092	TRẦN DƯƠNG NHẬT MINH	23/11/89		<i>Thuy</i>	7	Bảy
8	07122094	NGUYỄN THỊ MỐI	01/05/88		<i>Thuy</i>	8	Tám
9	07122096	LÊ HOÀI NAM	15/09/89		<i>Thuy</i>	8	Tám
10	07122099	TRẦN THỊ HỒNG NGÀ	29/03/89		<i>Thuy</i>	8	Tám
11	07122103	NGUYỄN HUỖNH THÁI NGÂN	03/08/89		<i>Thuy</i>	8	Tám
12	07122102	NGUYỄN NGỌC NGÂN	04/09/89		<i>Thuy</i>	8	Tám
13	07122104	PHẠM THỊ THÁI NGÂN	23/04/89		<i>Thuy</i>	7	Bảy
14	07122106	PHẠM THỊ THUY NGÂN	06/05/89		<i>Thuy</i>	8	Tám
15	07122105	TRẦN THẢO NGÂN	20/02/89		<i>Thuy</i>	9	Chín
16	07122107	NGUYỄN THỊ NGHE	05/03/89		<i>Thuy</i>	9	Chín
17	07122108	VŨ THỊ NGOAN	02/05/87		<i>Thuy</i>	8	Tám
18	07122111	PHẠM THỊ KIM NGỌC	20/10/89		<i>Thuy</i>	8	Tám
19	07122112	HUỖNH KHÁNH NGUYỄN	21/10/87		<i>Thuy</i>	8	Tám
20	07122114	LÊ CHÍ NHÂN	1 / 88		<i>Thuy</i>	8	Tám
21	07122115	NGUYỄN THỊ THANH NHÂN	27/11/89		<i>Thuy</i>	8	Tám
22	07122116	TRẦN NGUYỄN TRÍ NHÂN	16/12/89		<i>Thuy</i>	8	Tám
23	07122117	LÂM THỊ TUYẾT NHUNG	20/09/89		<i>Thuy</i>	9	Chín
24	07122118	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	15/09/89		<i>Thuy</i>	7	Bảy
25	07122119	TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ	16/01/89		<i>Thuy</i>	7	Bảy
26	07122120	NGUYỄN THỊ NINH	01/01/89		<i>Thuy</i>	8	Tám
27	07122121	LÊ THỊ NỮ	26/03/87		<i>Thuy</i>	9	Chín
28	07112175	VŨ VĂN NỮ	20/06/87		<i>Thuy</i>	8	Tám
29	07122123	HUỖNH PHÁT	27/09/89		<i>Thuy</i>	6	Sáu
30	07122124	NGUYỄN TẤN PHÁT	30/09/89		<i>Thuy</i>	6	Sáu
31	07122125	ĐÀO LOAN PHI	17/12/89		<i>Thuy</i>	8	Tám
32	07122126	NGUYỄN HỒNG PHONG	02/10/89		<i>Thuy</i>	8	Tám
33	07122127	NGUYỄN HỒNG PHÚC	29/01/89		<i>Thuy</i>	8	Tám
34	07122128	NGUYỄN THỊ KIM PHÚC	21/12/89		<i>Thuy</i>	9	Chín

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 31 Số bài: 31 Sở từ: 31

Ngày 08 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 Ng

Cán bộ coi thi 2 Chau
Nguyễn D. Chau

Hà Thị Thái Trâm

Xác nhận của bộ môn _____

Cán bộ chấm thi 1 _____

Cán bộ chấm thi 2 _____

Như

Phạm Thị Nhiên



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Địa lý kinh tế-P (08131) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07QT (Nhóm Thi) - Tổ 004
Ngày Thi: 08/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi PV225

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07122129	NGUYỄN PHƯỚC HỒNG	PHỤNG	18/09/89		7	Bảy
2	07122132	ĐỖ THỊ LAN	PHƯƠNG	20/11/89		5	Năm
3	07122130	LÊ THỊ BÍCH	PHƯƠNG	20/06/90		9	Chín
4	07122131	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	10/06/89		7	Bảy
5	07122136	NGUYỄN VĂN	PHƯƠNG	02/09/89		7	Bảy
6	07122135	TRẦN THỊ THANH	PHƯƠNG	06/11/89		8	Tám
7	07122138	PHAN THỊ THU	PHƯƠNG	02/08/88		8	Tám
8	07122137	TRẦN THỊ NGỌC	PHƯƠNG	09/06/89		8	Tám
9	07122140	DƯ DUY	QUANG	09/10/89		8	Tám
10	07122141	LƯƠNG VINH	QUAY	14/10/84		8	Tám
11	07122142	CHÂU NGỌC	QUẾ	04/08/89		8	Tám
12	07122143	NGUYỄN THỊ	QUYÊN	25/07/88		7	Bảy
13	07122145	TRẦN THỊ BÍCH	QUYÊN	14/02/89		8	Tám
14	07122146	NGUYỄN THANH	SANG	11/09/89		8	Tám
15	07122147	LÝ A	SÁNG	19/03/87		8	Tám
16	07122148	ĐOÀN QUỐC	SỈ	16/06/89		9	Chín
17	07122150	PHAN XUÂN	SỸ	19/05/89		8	Tám
18	07122151	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	TÂM	18/09/88		8	Tám
19	07122152	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	12/11/88		8	Tám
20	07122153	TRẦN THANH	TÂM	04/02/89		8	Tám
21	07122156	BẠCH VĂN	TÂN	29/06/89		8	Tám
22	07122155	PHẠM	TÂN	09/11/89		8	Tám
23	07122157	TRẦN ĐÌNH	THẠC	08/09/89		8	Tám
24	07122159	NGUYỄN VĂN	THÀNH	24/09/88		7	Bảy
25	07122160	HỒ PHƯƠNG	THẢO	03/04/89		8	Tám
26	07122162	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	05/09/89		8	Tám
27	07125223	PHAN THỊ MỸ	THẨM	26/11/89		8	Tám
28	07122165	NGUYỄN QUỐC	THẮNG	13/02/85		6	Sáu
29	07122167	VÕ KHẮC	THÂM	04/12/89		8	Tám
30	07122168	DƯƠNG ĐÌNH KIM	THỊ	06/08/89		7	Bảy
31	07122169	NGUYỄN TRƯỜNG	THỊ	19/02/87		7	Bảy
32	07122170	NGUYỄN THỊ	THỊN	20/01/88		9	Chín
33	07122171	DƯƠNG THỊ PHÚC	THỊNH	16/01/89		10	Mười
34	07122172	NGUYỄN TRƯỜNG	THỌ	13/08/89		7	Bảy
35	07122173	BÙI KIM	THOÀ	08/08/89		7	Bảy
36	07122174	NGUYỄN MAI NGỌC	THOÀ	18/02/88		8	Tám